

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày 24/4/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ, TỈNH GIA LAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Lệ

2. Ông Lê Đình Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Lê Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/4/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị D, địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Rơ Lan T và bà Kpuih H, cùng địa chỉ: Làng L, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Ngày 13/5/2021, vợ chồng ông Rơ Lan T và bà Kpuih H có vay của bà 20.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng (là một năm 6.000.000 đồng). Thời hạn vay là 01 năm, vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà toàn bộ số tiền gốc và nợ lãi. Việc cho vay có viết “Giấy vay tiền ghi ngày 13/5/2021 có chữ ký của ông T và bà H”.

Năm 2022 (không nhớ cụ thể ngày tháng nào) vợ chồng ông T, bà H có trả cho bà 2.000.000 đồng, việc trả tiền có viết vào nội dung của “Giấy vay tiền ghi ngày 13/5/2021”.

Ngày 15/5/2022 vợ chồng ông T, bà H trả cho bà 10.000.000 đồng. Vợ chồng ông T, bà H với bà thống nhất tính đến ngày 15/5/2022 ông T, bà H nợ bà tổng cộng số tiền 13.400.000 đồng (bao gồm nợ gốc và nợ lãi), thỏa thuận hẹn 01 năm sau vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà 13.400.000 đồng. Sự việc được ghi bổ sung vào “Giấy vay tiền ghi ngày 13/5/2021, có chữ ký ông T và bà H”.

Từ đó cho đến nay thì vợ chồng ông T và bà H không trả bất kỳ khoản nợ nào.

Bà D yêu cầu ông Rơ Lan T và bà Kpuih H có nghĩa vụ trả cho bà 13.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Kpuih H trình bày:

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, vợ chồng bà (Rơ Lan T và Kpuih H) có vay của bà Phạm Thị D 20.000.000 đồng, thỏa thuận miệng là một năm trả cả gốc và lãi là 26.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm. Việc cho vay có viết “Giấy vay tiền ghi ngày 13/5/2021 có chữ ký của vợ chồng bà” đúng như giấy mà bà D cung cấp cho Tòa án.

Trong năm 2022, vợ chồng bà trả cho bà D 2.000.000 đồng. Ngày 15/5/2022, vợ chồng bà tiếp tục trả cho bà D 10.000.000 đồng.

Trong ngày 15/5/2022, vợ chồng bà với bà D thống nhất tính đến ngày 15/5/2022 vợ chồng bà còn nợ bà D tổng cộng 13.400.000 đồng (bao gồm nợ gốc và nợ lãi), hẹn 01 năm sau trả hết. Việc này được viết bổ sung vào “Giấy vay tiền ghi ngày 13/5/2021, có chữ ký của vợ chồng bà (ông T và bà H)”.

Ngày 20/5/2022, vợ chồng bà đã trả đủ số tiền 13.400.000 đồng cho bà D tại nhà bà. Bà D nói là về nhà gạch sổ nợ. Tuy nhiên bà D đã không gạch sổ nợ.

Hiện tại vợ chồng bà không còn nợ tiền bà D. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Rơ Lan T đều vắng mặt nên không có lời khai, ý kiến của ông T.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Rơ Lan T và bà Kpuih H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị D 13.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị D khởi kiện bà Kpuih H và ông Rơ Lan T tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà D là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Bị đơn, bà Kpuih H và ông Rơ Lan T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị D yêu cầu bà Kpuih H và ông Rơ Lan T có nghĩa vụ trả cho bà 13.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

Bà Phạm Thị D cung cấp chứng cứ là: 01 Bản gốc chứng từ nợ đề ngày 13/5/2021 (bút lục số 45a). Chứng từ nợ này có nội dung thể hiện: “Tôi tên Rơ lan T1 (T2), vợ tên Kpuih H1, vợ chồng em có vay chị D 20.000.000 đồng – 2.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), hẹn ngày 13/5/2022 là trả. Người vay ký tên T, Kpuih H1. Chứng từ nợ này ghi bổ sung bên phía dưới có nội dung “ Ngày 15/5/2022, em T1 trả 10 triệu, còn nợ 13 triệu (mười ba triệu đồng)”.

[2.2] Bà H thừa nhận, chứng từ nợ tiền ghi ngày 13/5/2021 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của vợ chồng bà (ông T và bà H).

Bà H cho rằng, ngày 20/5/2022, vợ chồng bà đã trả đủ số tiền 13.400.000 đồng cho bà D tại nhà bà. Khi trả tiền thì có con gái của bà chứng kiến, không có gạch giấy vay tiền mà bà D nói là để về nhà bà D gạch sổ nợ.

Tuy nhiên, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã trả hết nợ cho bà D.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để nhận định:

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, vợ chồng ông Rơ Lan T, bà Kpuih H vay của bà Phạm Thị D 20.000.000 đồng, sau đó đã trả 2.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng, hẹn ngày 13/5/2022 trả đủ.

Ngày 15/5/2022 vợ chồng ông T, bà H có trả cho bà D 10.000.000 đồng. Ông T, bà H công nhận còn nợ bà D tổng cộng số tiền 13.400.000 đồng.

[2.3] Hợp đồng vay tài sản giữa bà D với ông T, bà H được phát sinh tại thời điểm có hiệu lực của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Theo chứng từ nhận nợ ngày 15/5/2022 thì vào ngày 15/5/2022, ông T, bà H còn nợ của bà D 13.400.000 đồng. Tuy nhiên, bà D chỉ yêu cầu ông T, bà H trả 13.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu trả lãi.

Căn cứ các 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D. Buộc ông T và bà H có nghĩa vụ trả cho bà D 13.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn, ông T, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

1. Buộc ông Rơ Lan T và bà Kpuih H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị D 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc ông Rơ Lan T và bà Kpuih H chịu 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Bà Phạm Thị D không phải chịu án phí. Trả lại cho bà D 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007919 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

3. Về các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Lệ

Lê Đình Hưng

Lại Hùng Hưng

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng